

TRUNG DUNG – MỘT CÁCH THỨC HOÀN THIỆN ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI THEO TƯ TƯỞNG KHỔNG TỬ

TRẦN HỒNG LƯU*
NGUYỄN HỮU ANH**

Khổng Tử sống ở thời Xuân Thu (551 - 479 TCN), song những giá trị tư tưởng của ông không chỉ có ảnh hưởng đương thời mà còn kéo dài về sau. Tư tưởng trung dung là một trong những thành tựu của Nho giáo được Khổng Tử phát triển. Bằng phương pháp lịch sử, logic và thống kê, nghiên cứu góp phần làm rõ tư tưởng trung dung của Khổng Tử trong giáo dục đạo đức, trong các quan hệ, ứng xử xã hội.

Từ khóa: trung dung, Luận ngữ, Khổng Tử

Nhận bài ngày: 03/2/2023; *đưa vào biên tập:* 05/2/2023; *phản biện:* 27/2/2023; *duyet đăng:* 10/3/2023

1. DẪN NHẬP

Các trường phái triết học trong lịch sử phương Đông khi bàn về giáo dục, về ứng xử trong đời sống gia đình và xã hội đều ít nhiều đưa ra ý tưởng cho rằng mọi hành xử của con người từ thứ dân đến quan lại, vua chúa cần phải tinh tảo cân bằng, không thiên lệch thì mới đem lại hiệu quả cao. Ví dụ Đạo gia với thuyết vô vi, Đạo Phật với thuyết trung đạo và đặc biệt Nho giáo với thuyết trung dung đã phần nào cho thấy điều này.

Tư tưởng trung dung trong Nho giáo

có nguồn gốc từ *Kinh lễ*, được Khổng Tử bàn định nhiều trong *Luận ngữ* và được Tử Tư (Khổng Cấp), là cháu nội của Khổng Tử, học trò của Tăng Tử san định thành sách *Trung dung*. *Luận ngữ* và *Trung dung* đều là những kinh điển quan trọng của Nho giáo. Tư tưởng trung dung được bàn đến ở nhiều thời kỳ lịch sử, song đa số các bài viết chỉ dừng lại ở phân tích ý tưởng này qua tác phẩm *Trung dung* do Tử Tư, học trò của Khổng Tử ghi chép. Nghiên cứu này chủ yếu tìm hiểu những quan điểm cụ thể mang tính trung dung của Khổng Tử qua sách *Luận ngữ*.

2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG TRUNG DUNG CỦA KHỔNG TỬ

* Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng.

** Trường Đại học Khánh Hòa.

2.1. Nội hàm của thuật ngữ “trung dung”

Tác phẩm *Trung dung*⁽¹⁾ đã đề cập một số nét sơ bộ nhất về giá trị của nội dung tư tưởng trung dung của Nho giáo. Chẳng hạn: “Đạo trung dung, nếu mở rộng ra, nó phổ cập khắp cả vũ trụ; bằng thấu lại, nó sẽ ở yên một cách huyền bí trong tâm. Cái ý vị của nó vô cùng vô tận, toàn là những điều thiết học. Những ai hay xem sách này mà ra sức suy xét, chiêm nghiệm, ắt sẽ được đạo lý Trung dung. Được rồi, mình đem ra mà thiết hành trọn cả đời cũng không hết” (Đoàn Trung Còn, 1950a: 39).

Cụ thể hơn, sách *Trung dung* mô tả về “Trung dung” và thuộc tính có liên quan mật thiết của nó. Cụ thể: “Những mối tình như vui mừng, hờn giận, đau thương, khoái lạc khi chưa phát sinh nơi tâm ta, thì kêu là “trung”; *lúc bấy giờ cái tâm ta tự nhiên ở mức giữa, không chênh bên này, không lệch bên kia*. Tới chừng *đối cảnh* mà chúng nó phát sinh một cách phải thế, thì kêu là “hòa”. *Tức như thấy ai bố thí thì ta vui mừng, gặp kẻ trộm cướp thì ta hờn giận, biết ai hoạn nạn thì ta đau thương, gặp người tài đức thì ta khoái lạc*. “Trung” là cội lớn của thiên hạ, mọi người và mọi vật đều do nơi đó mà sanh nảy, tán hóa. “Hòa” là đạo thông đạt của thiên hạ, mọi người và mọi vật đều y theo đó mà thông hành. Nếu mình tấn lên cho tới mức cực điểm của đức trung và đức hòa, ắt mọi người và mọi vật trong trời đất đều được yên ổn trật tự, và vạn vật sẽ

sinh sản nảy nở một cách thuận chiều” (Đoàn Trung Còn, 1950a: 41). Cũng trong *Trung dung*, Khổng Tử nói rõ phẩm chất Trung dung của người quân tử và kẻ đối lập: “Bậc quân tử, tức là *hạng người có đạo đức*, thì giữ được đức Trung dung. Còn kẻ tiểu nhân, tức *hạng người kém đạo đức* thì trái với đức Trung dung. Bậc quân tử giữ được đức Trung dung là như vậy: bất kỳ giờ phút nào, người cũng giữ gìn cái tâm ở mức giữa (trung), *không chênh bên này, không lệch bên kia, vì người biết tồn tâm dưỡng tính, tinh sát Đạo lý, không bị hoàn cảnh cám dỗ*. Còn tiểu nhân trái với đức Trung dung là: *cái tâm nó chênh lệch, cái tính nó tách khỏi Đạo, lòng tư dục nó xua đuổi theo cảnh ngoài, cho nên nó chẳng còn biết kiêng dè, sợ sệt chi cả*” (Đoàn Trung Còn, 1950a: 43). Đạo Trung dung tưởng chừng dễ thi hành nhưng không phải ai cũng đạt được. Chính vì thế, Khổng Tử phải than rằng: “Ồi Đạo Trung dung là mức cao viễn thay! *Thật là toàn thiện, toàn mỹ*. Đã lâu rồi, *thế giáo suy vi, tình đời nghiêng ngả, cho nên ít người biết giữ Đạo ấy*” (Đoàn Trung Còn, 1950a: 45). Khổng Tử cảm cảnh than tiếp: “Ồi! Đạo người ta không theo, không giữ nổi nữa rồi”. *Đối với đạo Trung dung, người trí, người hiền chê mà chẳng giữ; người ngu, người thường ngán mà chẳng theo. Nên Đạo chẳng được thi hành ở đời*” (Đoàn Trung Còn, 1950a: 45).

Bàn về nguồn gốc thế giới từ quan niệm của *Kinh Dịch*, Khổng Tử cho rằng vạn vật trên thế giới sinh thành,

biến hóa không ngừng theo đạo của nó. Mọi vận động, biến hóa của sự vật bắt nguồn từ sự tương tác giữa hai cực âm, dương trong thể thống nhất gọi là Thái cực. Lực vô hình, mạnh mẽ giữ cho trời đất, âm dương “trung hòa” để vạn vật sinh sôi, biến hóa đó được Khổng Tử gọi là *Đạo hay Thiên lý*. Do cái gốc đó mà: “Trời có nói gì chẳng. Thế mà bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) cứ xoay vần mãi; trăm vật trong vũ trụ cứ sinh hóa mãi. Mà Trời có nói gì chẳng” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 279). Bậc đại trí là người thông hiểu mọi nghĩa lý của trời đất, đó chính là vì họ đã đạt được cái đạo trung dung. Về điểm này, sách *Trung dung* viết: “Vua Thuấn là bậc đại trí vậy thay! Vua Thuấn ham hỏi han, lại thích suy xét cả những điều thiện cận, ém điều ác, tuyên dương điều thiện, nắm vững hai thái cực, đem điều trung áp dụng cho dân chúng. Có vậy mới là vua Thuấn chứ” (Nguyễn Đức Lâm, 1998: 93).

Có thể nhận định một cách ngắn gọn nhất: Trung dung là luôn ở vị trí giữa, không thiên lệch, không nghiêng bên nào, Khổng Tử gọi là “không thái quá, không bất cập”, là một phương thức ứng xử cả về đạo đức và chính trị của người quân tử theo Nho giáo. Cách ứng xử với bên ngoài này được đúc kết sau một quá trình tu dưỡng bên trong “tu kĩ”. Đối với Khổng Tử, chỉ có một khái niệm mà ông cho là bao trùm hết thảy, là “toàn đức”, đó là “nhân”. Tư tưởng trung dung là biểu hiện cụ thể của học thuyết về “nhân” của Khổng

Tử trong cách ứng xử đạo đức của con người một cách tường minh nhất.

Một khái niệm có liên quan mật thiết với “Trung dung” chính là “Trung thứ”. Trung dung có liên quan tới Trung thứ, nhưng không phải là Trung thứ. Trung và Thứ là sự tu dưỡng “suy kĩ cập nhân” - suy bụng ta ra bụng người, cái gì mình muốn thì cũng làm cho người khác (thứ 恕), cái gì không muốn thì đừng làm với người khác (trung 忠). Nội dung và ý nghĩa của hai khái niệm này tuy rất gần gũi và gắn bó hữu cơ với nhau, song chúng vẫn có sự khác nhau. Do vậy, không thể đồng nhất chúng với nhau.

Tóm lại, Trung dung là đứng giữa, không thiên lệch, không thái quá, là cách ứng xử và hành động đúng mực và linh hoạt của con người tránh siêu hình, máy móc.

2.2. Trung dung ở người quân tử

Trong quan niệm của Khổng Tử, người quân tử bao giờ cũng giữ lấy đạo (Trung dung) làm nguyên tắc cố định, bất chấp thế sự như thế nào. Ông nói: “Giàu với sang ai chẳng muốn? Nhưng nếu chẳng phải đạo mà được giàu sang, thì người quân tử chẳng thèm. Nghèo với hèn, ai lại chẳng ghét? Nhưng chúng nó đến với mình mà chẳng lỗi đạo thì người quân tử chẳng từ bỏ” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 53).

Khổng Tử coi người quân tử bao giờ cũng kiên định phẩm chất theo đường hướng trung dung: “...*đối với người* thì giữ niềm hòa khí, nhưng không bê tha

theo thói tục thường tình... Còn đối với mình thì đứng ở mức trung, không xiêu vẹo thiên lệch... Nếu nước nhà thịnh trị, có đạo đức, mà *thân danh mình hiển đạt*, người chẳng đời đời chí hướng mình, sức mạnh ấy vững vàng thay! Nhược bằng trong nước rối loạn, con người vô đạo, thì bậc quân tử cũng chẳng đời bỏ đức tính mình, dầu có chết cũng cam tâm” (Đoàn Trung Còn, 1950a: 49).

Thậm chí, Khổng Tử còn nói: “Buổi sáng nghe được đạo lý, buổi chiều dầu chết cũng vui” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 53). Với Khổng Tử, người quân tử bao giờ cũng phải trung thành với đạo trung dung, dù việc theo đuổi lý tưởng đó khó khăn như thế nào.

Một trong những phẩm chất quan trọng nhất của người quân tử theo Nho giáo là phải có lòng nhân và Nhân còn được coi là cốt tủy của đạo Nho. Khổng Tử nhiều lần khẳng định điều đó. Chẳng hạn, ông nói: “... nếu người quân tử bỏ mất lòng nhân thì sao được gọi là người quân tử? Người quân tử không bao giờ lia bỏ điều nhân, dầu cho trong khoảng một bữa ăn! Người quân tử không bao giờ ở sai điều nhân; dầu trong cơn vội vàng, trong lúc ngửa nghiêng, người cũng ở theo điều nhân” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 53).

Nhân là cốt lõi, bản chất của đạo Nho, của người quân tử thì Lễ là hình thức biểu hiện của Nhân. Nhân không thể tách khỏi Lễ. Vì thế, khi được hỏi về chỗ cương yếu, cốt lõi của đức nhân, Khổng Tử lý giải rằng: “Sắc chi chẳng

hợp lễ thì mình đừng ngó, tiếng chi chẳng hợp lễ thì mình đừng nghe, lời chi chẳng hợp lễ thì mình đừng nói, việc chi chẳng hợp lễ thì mình đừng làm. Bốn điều đó là điều mục của đức nhân đó” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 181).

Đồng thời, người quân tử không có bốn lỗi sau:

a, Vô ý: không có ý riêng, không có lòng tư dục.

b, Vô tất: tùy cảnh mà sửa đổi

c, Vô cố: không cố chấp, có lòng dung thứ.

d, Vô ngã: chẳng có lòng ích kỷ, vì mình mà bỏ người” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 135).

Những yêu cầu trên cho thấy người quân tử phải luôn biết kiềm thúc, giữ mình trước những gì thái quá và phải học hỏi nâng cao trình độ để có thể giáo hóa dân. Do đó, theo Khổng Tử: “Người quân tử trước học văn chương (như *Kinh Thi, Kinh Thư*) đăng mở rộng trí thức mình; kế đó, người nương theo lễ giáo mà kèm giữ lấy nét mình; nhờ vậy mà khỏi trái đạo lý” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 95).

Có thể nhận thấy, *Trung dung gắn liền chặt chẽ với điều nhân*, thiếu nhân thì con người không thể có đạo đức. Vì thế khi được hỏi, trong ba điều: lương thực, binh lực và điều nhân, nếu phải bỏ điều gì trước thì Khổng Tử nói cần phải bỏ quân đội và lương thực trước, vì: “dân mà không tin vào nhà cầm quyền thì chính phủ phải đổ” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 185).

Vì giữ được trung dung nên người quân tử luôn có đức bao dung rộng lớn, đối lập với tiểu nhân: “Bậc quân tử thì thân nhiên, lòng rộng; còn kẻ tiểu nhân thường hay lo lắng, ưu sầu” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 119).

Vấn đề giàu nghèo với người quân tử cũng được ông phân định rất rõ ràng, tùy thời, tùy lúc để nói đó là tốt, xấu. Ông nói: “Nước nguy chớ nên vào. Nước loạn, chớ nên ở. Thiên hạ có đạo, tức là được an ninh trật tự, thì mình nên ra làm quan; còn như thiên hạ vô đạo, mình nên ở ẩn mà tu học. Như nước nhà yên trị mà mình ở phận bần cùng, đê tiện, đó là sự hổ. Còn như nước nhà loạn lạc mà mình hưởng phần giàu có, sang trọng, đó là điều đáng hổ” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 117).

Khi nói về phẩm chất Trung dung, Mạnh Tử học trò đời sau của Khổng Tử, người được coi là bậc Á thánh trong Nho giáo đã khẳng định ý tưởng của thầy mình bằng nhận xét: “Ông Bá Di thì nghiêm khắc, chặt hẹp; ông Huệ xử Liễu hạ thì dễ dãi, xuề xòa. Người quân tử giữ mức trung: chẳng nghiêm khắc chặt hẹp mà cũng chẳng dễ dãi, xuề xòa” (Đoàn Trung Còn, 1950b: 113).

Người quân tử phải có lòng nhân, mà Khổng Tử là minh chứng sống cho điều đó. Ông trọng người hơn vật. Khi tàu ngựa bị cháy, Khổng Tử ở triều về và chỉ hỏi: “Có ai bị hại chăng?” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 157). “Khi vua ban cho con vật sống, thì ngài nuôi, chớ chẳng vỗ cổ mà ăn thịt” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 57). Vì lòng nhân từ, ông

luôn ứng xử với các loài với tinh thần đúng mực nhân ái, trung dung, săn bắt có lúc, có thì, như sách *Luận ngữ* nhận xét: “Đức Khổng Tử chỉ câu cá, chớ ngài chẳng đánh lưới. Ngài chỉ bắn con chim đang bay, chớ ngài chẳng săn con chim đang ngủ” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 113). Cũng là hành động đánh bắt nhưng người trung dung có cách ứng xử rất nhân văn, đáng để cho người đời suy ngẫm và học hỏi.

2.3. Trung dung trong ứng xử xã hội

Trong *cách nói năng ứng xử*, người theo đạo trung dung rất cẩn trọng, chừng mực và không thiên lệch quá mức. Theo Khổng Tử, người quân tử phải luôn biết: “... ước thúc lấy mình, biết nương theo quy củ mà làm việc, thì ít hay làm lạc, thất bại” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 61); “Xảo ngôn lệnh sắc, tiển hỷ nhân” hoặc: “Xảo ngôn loạn đức” tức: “Những lời hoa ngôn xảo ngữ hay làm xáo lộn đức tính: nói tốt ra xấu, nói xấu ra tốt” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 249). Hơn thế, Khổng Tử phán: “Ta ghét kẻ lợi khẩu, tráo trở với tài siểm nịnh của nó, nó có thể làm nghiêng nước đổ nhà” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 279).

Do đó, ông cho rằng, phải nhìn hành động của người ta để phán xét thực hư chứ không căn cứ vào lời nói, hình thức bề ngoài; và: “Hứa nhiều mà làm ít, người quân tử lấy làm hổ thẹn” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 229). Khổng Tử đề ra nguyên tắc mà ngày nay vẫn còn hữu dụng khi phán xét con người. Ông nói: “Khi trước nghe người ta nói, ta tin rằng nét hạnh của họ phù hợp

với lời nói của họ. Ngày nay, nghe người ta nói, ta phải quan sát hành động của họ có phù hợp với lời nói của họ chẳng”. Người ngoa ngôn đẹp mã mà thực việc không làm được thì cũng không có giá trị gì.

Khổng Tử cũng trọng nhân đức hơn là tài biện luận. Ông từng nhận xét về học trò tên Ung - Nhiễm Trọng Cung, của mình: “Có tài biện luận mà làm gì? Đối với người, nếu mình dùng tài biện luận mà đàn áp họ thì họ oán ghét. Ta chẳng biết người Ung có nhân hay chẳng, nhưng có tài biện luận mà làm gì” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 67). Khổng Tử cũng căn dặn: “Người quân tử điều gì chẳng biết thì bỏ qua mà chẳng nói” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 199).

Với Khổng Tử không có đức nhân thì khó có thể làm được gì vì: “Cây mục không chạm khắc được; vách bằng đất bùn, không tô vẽ được” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 71).

Nói đi đôi với làm là nguyên tắc được Khổng Tử đưa ra để kiểm nghiệm đúng sai. Ông nói: “Như ai đàm luận đạo lý một cách dày dặn rành mạch, mình khoan nhận cho họ là nhà đạo đức. Hãy quan sát coi họ có phải là bậc quân tử chẳng, hay chỉ là kẻ có cái lốt khéo léo bề ngoài mà thôi” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 171). Học đi đôi với hành cũng là nguyên lý trung dung mà Khổng Tử luôn nhấn mạnh cho các đệ tử. Ông nói: “Như có ai đã đọc thuộc hết ba trăm thiên trong *Kinh thi*, được bậc quốc trưởng trao quyền hành chính cho mình, nhưng cai trị chẳng xuôi; được phái đi sứ đến các

nước ở bốn phương, nhưng tự mình chẳng có tài ứng đối; người ấy dẫu học nhiều, nhưng có biết dùng tài học của mình chẳng?” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 201).

2.4. Trung dung trong tu dưỡng đạo đức cá nhân

Trong *cách dạy người*, Khổng Tử căn cứ vào trình độ hiểu biết của từng hạng người để đưa ra cách dạy phù hợp với họ. Với người mới vào học, ông dạy về văn tự, điển tích và cách xử sự tức khoa Hình nhi hạ. Ở trình độ cao hơn, ông mới giáo hóa họ ở khoa Hình nhi thượng và số đệ tử ở khoa này rất ít. Khổng Tử căn dặn đệ tử một cách cặn kẽ: “Kẻ nào chẳng phấn phát lên để hiểu thông, thì ta chẳng giúp cho hiểu thông được. Kẻ nào chẳng ráng lên để tỏ ý kiến mình, thì ta chẳng khai phát cho được. Kẻ nào đã biết rõ một góc, nhưng chẳng chịu căn cứ vào đó để biết luôn ba góc, thì ta chẳng dạy kẻ đó nữa” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 101).

Trong giảng dạy, Khổng Tử chỉ rõ vai trò của người thầy khi phân biệt các đệ tử mà có liều lượng, cách thức giáo dục khác nhau, không rập khuôn máy móc. Đó là: “Đối với người biết nghe để tu chính. Mà mình chẳng chỉ dạy, thì mình làm thiệt thòi một đời người. Đối với người chẳng biết nghe mà mình chỉ dạy thì uổng lời nói mà thôi. Người trí chẳng để thiệt thòi một đời người, cũng chẳng để uổng phí lời nói” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 243).

Song, ông cũng chỉ rõ với đối tượng quá kém cỏi: “Người nào chẳng ra

công tìm tòi, như làm việc chi, chẳng tự hỏi: tôi phải làm cách gì? tôi phải làm làm sao? người như vậy, ta cũng chẳng có cách gì mà chỉ bảo cho được” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 247).

Mặt khác, Khổng Tử cũng phân biệt rõ ràng giữa người có đức và người có tài ăn nói. Đó là: “Người có đức ắt có tài ngôn ngữ; người có tài ngôn ngữ chưa chắc là có đức. Người có nhân thì có lòng dũng cảm; người dũng mãnh chưa chắc có nhân” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 217).

Người trung dung phải biết giữ chừng mực, ứng xử với mỗi hạng người thứ bậc khác nhau, cần phải đúng liều lượng trong ứng xử, không được cứng nhắc theo nguyên tắc sẽ hỏng việc. Với cha mẹ: “Làm con thờ cha mẹ, như thấy cha mẹ làm lỗi thì nên can gián một cách dịu ngọt. Như thấy ý tứ cha mẹ chẳng thuận theo lời khuyên của mình, thì mình vẫn một lòng cung kính mà chẳng trái nghịch. Như cha mẹ giận mà khiến mình làm công việc cực khổ, chớ đem dạ oán giận”; và khi: “... cha mẹ còn sanh tiền, phận làm con chớ đi chơi xa. Như đi chơi đâu thì thưa trước cho cha mẹ biết đặng cha mẹ yên tâm” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 59).

Với bề trên hay bề bạn cũng cần phải khom mình, giữ đúng cách ứng xử trung dung, đúng mực để tránh hậu họa. Khổng Tử dạy học trò: “Mình làm quan, thấy bậc quốc trưởng chẳng hỏi quá (hối thúc, thúc dục) thế mà nay can, mai gián, làm cho bậc quốc trưởng chán ghét, thì thân mình chẳng

bị nhục đó thôi. Mình làm bạn, thấy bằng hữu chẳng sửa nét, mà cứ khuyên lơn mãi, làm cho bằng hữu buồn giận, thì tình bạn phải xa (Đoàn Trung Còn, 1950c: 63).

Ở chỗ khác, Khổng Tử nói: “Như bạn có lỗi, mình nên hết lời can gián, mà phải nói một cách khéo léo, dịu ngọt. Như bạn không nghe thì mình nên thôi; đừng nói dai mà mang nhục” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 195). Những lời căn dặn về đạo lý ứng xử giữa các thứ bậc người trong xã hội đó ngày nay vẫn giữ nguyên tác dụng.

Trong *vấn đề xuất xử giữa trung và hiếu*, Khổng Tử cũng giải quyết vấn đề rất thông thái đúng tinh thần ứng xử mềm dẻo của tư tưởng trung dung, chớ không cố chấp, cứng nhắc. Về việc Quản Trọng không tự tử theo chủ cũ mà lại quay ra giúp kẻ thù của mình là Tề Hoàn công, Khổng Tử không tán thành việc tự tử theo chủ cũ và coi đó là cái chết ngu trung. Đây là quan điểm rất mới của ông so với những người đương thời. Về việc Quản Trọng theo Tề Hoàn công làm nên công nghiệp lớn, làm bá chủ các nước chư hầu, Khổng Tử khẳng định: “Chính nhờ tài cai trị của người mà thiên hạ đổi loạn ra trị; cho đến nay dân chúng còn hưởng ân đức của người (Đoàn Trung Còn, 1950c: 223).

Với tinh thần học hỏi không ngừng nghỉ và rộng mở, Khổng Tử cho rằng con người cần thái độ, chọn lọc cái hay dở ở người đời để gạn lọc lấy cái tinh hoa của họ, đó mới là người trung dung, không kiêu ngạo hay xuề xòa.

Biết gạn lọc, kế thừa cũng là trung dung. Ông nói: “Trong ba người đi đường, mình với hai người nữa, ắt có người là thầy của mình. Mình chọn điều lành, điều phải của người này để làm theo; mình xét điều dữ, điều quấy của người kia để sửa đổi lấy mình” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 109).

2.5. Trung dung trong các quan hệ xã hội khác

Người có phẩm chất trung dung trước hết là người nhân, ứng xử đúng mực. Đó là người: “... hễ muốn tự lập lấy mình thì cũng lo mà thành lập cho người; hễ muốn cho mình thông đạt thì cũng lo cho người thông đạt; hễ xử với mình thế nào thì cũng xử với người xung quanh mình thế ấy. Đó là những phương pháp phải thi hành để trở nên người nhân đức” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 97).

Trong cách *cai trị dân*, người quân tử cũng cần chính sách đúng mực, sai dân, khiến dân phải đúng thời vụ. Lúc nông nhàn có thể sai khiến dân, vào mùa vụ cần hạn chế sai khiến dân. Với các công việc khác, Khổng Tử nói: “Chẳng huấn luyện dân mà bắt họ đi đánh giặc, đó là đưa binh lính đến chỗ thua, chỗ chết mà thôi” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 213).

Việc cai trị dân theo trung dung cần phải có thứ bậc, trước sau, không thể cầu thả hay hấp tấp làm trước điều gì. Phải mở mang phát triển kinh tế để “dân đông lên, giàu có lên, sau đó mới giáo hóa họ” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 263). Có như vậy mới đem lại hiệu

quả thiết thực. Khi dân còn đói thì không thể nói đến giáo hóa.

Cái gì thái quá là trái với trung dung và trở nên có hại, phản tác dụng. Các diễn biến trong thực tiễn đã đủ kiểm nghiệm tính đúng đắn và giá trị của tư tưởng này. Khổng Tử nhiều lần nói: “Cung kính quá lễ thành ra lao nhọc thân hình; cẩn thận quá lễ thành ra nhát gan; dũng cảm quá lễ thành ra loạn nghịch; ngay thẳng quá lễ thành ra gắt gỏng, cấp bách” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 121).

Về vấn đề bản tính con người, Khổng Tử cũng phân xử rất đúng mực. Quan niệm này không thiên lệch về phía nào và rất gần với cách hiểu hiện đại. Trong nội bộ Nho giáo, có người coi bản tính con người là thiện hay ác nhưng ông giải quyết một cách trung dung và có lý khi coi: “Người ta thầy đều giống nhau, vì ai nấy đều có cái bản tính lành; nhưng bởi nhiễm thói quen, nên họ thành ra xa khác nhau” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 269). Bản tính con người là không cố định, không cứng nhắc mà thay đổi theo thói quen, môi trường sống.

Về vấn đề hành-tàng, làm hay không làm, ẩn hay hiện, Khổng Tử cũng thể hiện trung thành tư tưởng trung dung của mình một cách nhất quán và linh động, tránh hai cực siêu hình, máy móc, cốt sao cho hợp lễ và phù hợp với đạo nhân, nhằm đạt mục đích cao nhất. Điều đó thể hiện rất rõ trong *Luận ngữ*, Khổng Tử đã nêu rõ người trung dung không chấp cái cố định mà phải tùy cơ và quyền biến:

Bậc quân tử làm việc cho thiên hạ, không việc gì cố ý làm, không việc gì cố ý bỏ, hễ hợp nghĩa, hợp lễ, hợp đạo và hợp điều thiện thì cứ làm, miễn là đảm bảo sự trung chính hay chính đạo, không cố định, cứng nhắc. Để đạt tới trung dung, Khổng Tử quan niệm đôi khi phải bỏ đi cái tiểu tiết để nhắm tới cái đại thể, không rập khuôn mà phải tùy biến để làm, miễn là đảm bảo cái lớn. Khi bàn về sự xuất xử, đi hay ở của Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Châu Trương... thời nhà Ân và Chu, Khổng Tử nói: Về phần ta, ta khác với các ông ấy. Chẳng có việc gì mà ta quyết định phải làm, chẳng có việc gì mà ta quyết định phải bỏ” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 293).

Nghĩa là con người cần có đức thời trung, lúc làm quan thì làm quan, lúc bỏ đi thì bỏ đi, không cố chấp, cứng nhắc thái quá. Đúng với cốt lõi, tinh túy của tư tưởng trung dung được học giả đời sau ghi lại dưới đây.

Khổng Tử nói: *quân tử thời trung* tức người quân tử phải tùy thời mà giữ chính đạo. Lúc cần nhanh thì nhanh, lúc cần chậm thì chậm, khi nào cần giữ gìn, khi nào cần buông bỏ, khi nào cần tiến lên, khi nào cần lui lại, người quân tử phải luôn ứng biến hợp với thời đem lại kết quả mong muốn. Vì đạo mênh mông và mầu nhiệm nên phải tùy thời mà sống theo đạo, không thể cố chấp một khoảng không gian, thời gian nào. Phải ứng xử với tinh thần *đĩ bất biến ứng vạn biến*, tức lấy cái không biến ứng với muôn vạn cái biến. Thích ứng với thời còn có nghĩa

là không thiên lệch về phía nào, không bảo thủ, không cấp tiến, nhanh hay chậm tùy nghi ứng biến linh hoạt, chứ không vì thiên hạ mà “mỗi trán lông gót” như Mặc Dịch, không ích kỷ vị ngã như Dương Chu “nhỏ một sợi lông mà lợi cho thiên hạ cũng không làm”. Trình Tử thì coi: *tùy thời biến dịch dĩ tông đạo dã*, tức theo thời mà đổi thay để mà giữ lấy đạo vậy (Lý Minh Tuấn, 2005: 110, 125).

Nhận xét trên đây đã phần nào nói lên giá trị cốt lõi của tư tưởng trung dung mà Khổng Tử đã dày công xây dựng và mang lại nhiều giá trị không chỉ đương thời mà cả cho hậu thế.

3. KẾT LUẬN

Trong đạo Nho của Khổng Tử, trung dung gắn liền với nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Theo đó, điều gì hợp nghĩa, hợp đạo lý, hợp lòng nhân thì thi hành một cách linh hoạt mà không cố định, cứng nhắc. Trung dung cho phép con người theo đuổi các chuẩn mực nhân, nghĩa, lễ, trí, tín bằng các giải pháp quyền biến miễn là đảm bảo được cái cốt lõi là lòng nhân trong con người.

Trung dung là đứng giữa, không thiên lệch, không thái quá, là cách ứng xử và hành động đúng mực và linh hoạt của con người tránh siêu hình, máy móc và có giá trị ở mọi thời đại nếu biết gạn lọc một cách hợp lý.

Trong mọi hoạt động ứng xử giữa người với người và thế giới, trung dung là sự thể hiện mềm dẻo, đúng mực, là nói đi đôi với làm một cách thực chất và hiệu quả. Trong cách giáo dục con người, trung dung yêu

cầu giáo dục phải đúng đối tượng, đối tượng quyết định phương pháp, giáo dục phải có liều lượng với từng đối tượng chứ không cứng nhắc; và học phải đi đôi với hành mới có ý nghĩa.

Trong các quan hệ xã hội, trung dung thể hiện sự hành tàng độc đáo, mềm dẻo. Đây là giá trị tích cực về tư tưởng trung dung của Khổng Tử mà người đời sau cần học hỏi và lưu giữ.

Tuy nhiên, khi giải quyết theo tư tưởng trung dung trong một số vấn đề cụ thể, Khổng Tử có một số bất cập. Như theo ông: “Ở xóm ta, người ngay thẳng cư xử có khác; cha che lỗi cho con, con che lỗi cho cha; tình ngay thẳng vẫn ngụ trong đó” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 207). Cách giải quyết này bị người đời sau phê phán là thiên về tình cảm mà coi thường trật tự kỷ cương pháp luật.

Trung dung nhằm hoàn thiện đạo đức nên cũng là lý tưởng, mục tiêu không chỉ của người quân tử mà của mọi người nói chung, dù không dễ đạt đến.

Đúng như Khổng Tử từng nói: “Trung dung là cái đức hạnh tốt cực điểm. Nhưng tiếc rằng lâu nay ít người đạt tới mức ấy” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 97). Chính Khổng Tử cũng thừa nhận: “Đành rằng ta chẳng được hạng người đạt đến mức trung dung đáng ta truyền Đạo, nhưng trong các đệ tử của ta, ta có được hai hạng này: 1/ hạng cuồng tức là hạng người có chí cao thượng, tuy chẳng đạt chí nguyện, chớ chẳng bỏ dở công việc; 2/ hạng quuyến tức là hạng người có tiết tháo trong sạch. Người cuồng thì có sức tấn thủ trên đường đạo lý; người quuyến thì giữ gìn khí tiết; chuyện chẳng hợp nghĩa thì chẳng làm” (Đoàn Trung Còn, 1950c: 209).

Tuy có những hạn chế mang tính lịch sử và giai cấp ở tư tưởng trung dung của Khổng Tử nhưng tư tưởng này cũng thể hiện lý tưởng hướng đến một xã hội trong đó mọi người có đạo đức hoàn thiện, ứng xử hài hòa và nhân văn. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Trung Dung* trong bài này in trong *Tứ Thư: Đại học - Trung Dung* do Đoàn Trung Còn dịch, Trí Đức Tòng Thư xuất bản năm 1950; *Luận ngữ* in trong *Tứ Thư: Luận ngữ và Mạnh Tử* in trong *Tứ Thư: Mạnh Tử, Thượng Mạnh Tử* đều do Đoàn Trung Còn dịch, Trí Đức Tòng Thư xuất bản năm 1950.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đoàn Trung Còn (dịch). 1950a. *Tứ Thư: Đại học - Trung Dung*. Sài Gòn: Trí Đức Tòng Thư xuất bản.
2. Đoàn Trung Còn (dịch). 1950b. *Tứ Thư: Mạnh Tử, Thượng Mạnh Tử*. Sài Gòn: Trí Đức Tòng Thư xuất bản.
3. Đoàn Trung Còn (dịch). 1950c. *Tứ Thư: Luận ngữ*. Sài Gòn: Trí Đức Tòng Thư xuất bản.
4. Lý Minh Tuấn. 2005. *Đông Phương triết học cương yếu*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
5. Nguyễn Đức Lâm (dịch và chú giải). 1998. *Tứ thư tập chú*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.